

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 05 năm 2024
V/v “Tr/c Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thùy Phương và bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ - Thư ký TAND thị xã Quế Võ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thụ lý số 133/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Sỹ H, sinh năm 1965 (Có mặt)

HKTT: Khu phố V, phường Cách Bi, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 (Có mặt)

HKTT: Khu phố V, phường Cách Bi, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà Đ:

Luật sư: Nguyễn Văn K - Công ty Luật TNHH Công Minh (Có mặt)

Địa chỉ: Số a, đường Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Sỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có hôn nhân hợp pháp vào năm 1987. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2011 - 2012, bà Hòe ở nhà bán hàng tạp hóa và thức ăn cho gia súc, gia cầm để cho khách chịu tiền và không thu hồi được dẫn đến công nợ nhiều. Bản thân ông đi làm xa nhà nên không biết được những việc làm và công nợ của bà Đ. Khi biết được bà Đ có nhiều công nợ, ông đã khuyên can nhưng bà Đ bỏ ngoài tai. Những việc làm ăn, vay mượn của bà Đ không hề bàn bạc với ông, bà Đ sử dụng vốn vay làm gì thì ông hoàn toàn không biết. Do đó, trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn và đỉnh điểm là vào năm 2018

vợ chồng ông đã sống ly thân. Đến năm 2019, bà Đ vào nam làm ăn và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Vợ chồng đã sống ly thân được thời gian dài và không còn khả năng đoàn tụ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có sinh được 02 con chung là Phạm Thị S, sinh năm 1989 và Phạm Sỹ T, sinh năm 1990. Hiện hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Ông tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà kết hôn với ông Phạm Sỹ H vào năm 1987 trên cơ sở tự nguyện và có hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống và do ông H thấy vợ chồng có nhiều công nợ nên từ đó tiền lương của ông H thì ông H đã giữ để riêng. Khi Ngân hàng đòi tiền, bà có yêu cầu nhưng ông H không đưa nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và không ngủ chung giường. Năm 2019, bà vào miền Nam làm ăn. Những năm đầu bà có liên hệ về nhưng đến năm 2021 thì vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay ông H có quan hệ bất chính với người khác và có đưa nhiều tin không đúng sự thật về bà với mọi người. Tháng giêng năm 2024, bà từ miền Nam về nhà nhưng ông H đã đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Bà đã nhờ Công an đến giải quyết.

Nay ông H làm đơn xin ly hôn, bản thân bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ban đầu tôi đã đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Tuy nhiên, do công nợ của vợ chồng hiện còn rất nhiều và hai bên chưa giải quyết dứt điểm, đồng thời ông H không thừa nhận các khoản nợ nên đến nay bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có sinh được 02 con chung là Phạm Thị S, sinh năm 1989 và Phạm Sỹ T, sinh năm 1990. Hiện hai con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 thửa đất ở khu phố V, phường Cách Bi, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất. Thửa đất này hiện trị giá khoảng 3 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí để tòa làm cơ sở thụ lý vụ án thì bà đã không nộp. Bà trình bày do không đồng ý ly hôn nên bà xin rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Về công nợ chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có làm ăn và vay mượn của nhiều người. Cụ thể:

Vay ông Phan Văn Th số tiền 200,000,000đ; Ông Phan Văn V 350,000,000đ; Bà Nguyễn Thị L 50,000,000đ; Bà Nguyễn Thị X 100,000,000đ; Bà Nguyễn Thị V 46,000,000đ; Ông Ngô Văn Th 100,000,000đ; Bà Hoàng Thị Th 30,000,000đ; Chị Vũ Thị L 50,000,000đ; Bà Ngô Thị B 65,000,000đ; Bà Vũ Thị H 130,000,000đ; Bà Nguyễn Thị C 50,000,000đ; Anh Nguyễn Đăng L 50,000,000đ; Chị Phan Thị Đ,

sinh năm 300,000,000đ; Chị Nguyễn Thị T 90,000,000đ; Chị Vũ Thị L 150,000,000đ; Chị Vũ Thị B 30,000,000đ; Bà Hoàng Thị Ph 150,000,000đ; Chị Nguyễn Thị H 100,000,000đ; Bà Lương Thị C 60,000,000đ; Ông Trịnh Đức M 100,000,000đ; Bà Phùng Thị Th 40,000,000đ; Anh Nguyễn Văn S 200,000,000đ; Chị Nguyễn Thị Th 113,000,000đ; Anh Nguyễn Trọng Đ 80,000,000đ; Chị Nguyễn Thị Th 160,000,000đ; Chị Trần Thị Ph 270,000,000đ; Chị Nguyễn Thị Th 250,000,000đ; Chị Nguyễn Thị Th 60,000,000đ; Chị Nguyễn Thị C 250,000,000đ; Chị Trịnh Thị T 145,000,000đ; Chị Ho 70,000,000đ; Chị Nguyễn Thị V 40,000,000đ.

Hiện tại, vợ chồng bà đã thanh toán trả được cho Chị Trịnh Thị T 50.000.000đ; Chị H 70.000.000đ; chị V 40.000.000đ; anh Nguyễn Đăng L 20.000.000đ.

Sau khi nộp danh sách người cho vay, bà đã được Tòa án yêu cầu nộp danh sách chi tiết. Bà đã cam đoan sẽ gửi danh sách chi tiết trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 11/4/2024. Quá trình giải quyết bà không nộp vì bà không đồng ý ly hôn, khi nào bà đồng ý ly hôn thì bà sẽ cung cấp đầy đủ danh sách cho Tòa án để Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Về án phí: Bà đồng ý với ý kiến của ông H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không nhất trí.

Đại diện VKSND thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và liên tục.

Nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Phạm Sỹ H được ly hôn bà Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Sỹ H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nội dung: Ông Phạm Sỹ H và bà Nguyễn Thị Đ nguyên tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, được UBND xã Cách Bi cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/11/1987 theo quy định của pháp

luật. Sau ngày cưới, ông H và bà Đ về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2018 khi bà Đ làm ăn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc vay nợ nhiều. Cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp, hạnh phúc, vợ chồng sống chung nhà nhưng ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Năm 2019, bà Đ vào Nam làm ăn cho đến tháng 02/2024 mới về. Vợ chồng sống ly thân được 5 năm và ít liên lạc. Nay ông H làm đơn ly hôn nhưng bà Đ không nhất trí vì cho rằng vợ chồng chưa giải quyết dứt điểm về tài sản chung và công nợ chung.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà Đ đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc và sự tôn trọng, tin tưởng dành cho nhau và không còn khả năng đoàn tụ. Việc bà Đ không đồng ý ly hôn không phải do tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân đã đạt được mà vì bà cho rằng việc ông H không chia tài sản và không có trách nhiệm với công nợ nên bà không đồng ý ly hôn. Mục đích của bà là để kéo dài thời gian và gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà Đ là có thật trên thực tế đã được các bên thừa nhận. Thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu và đều xác nhận không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ. Tại phiên tòa, bà Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ trình bày trong thời kỳ hôn nhân, ông H có quan hệ bất chính với người khác nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H, nhưng trong phần tranh luận, ông H không thừa nhận và phía bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh. Do đó, việc ông H làm đơn ly hôn với bà Đ là có cơ sở, thể hiện đúng thực trạng hôn nhân không thể kéo dài nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Ông H và bà Đ đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị S, sinh năm 1989 và Phạm Sỹ T, sinh năm 1990. Hiện hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức: Quá trình giải quyết, bà Đ có đơn đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là 01 thửa đất có diện tích gần 200m² ở khu phố V, phường Cách Bì, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 2.5 tầng được xây dựng năm 2002 và khu công trình phụ.

Ngày 11/4/2024, Tòa án đã có thông cho bà Đ nộp tiền tạm ứng án phí để làm cơ sở thụ lý vụ án. Tuy nhiên, bà Đ không nộp theo quy định.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/4/2024, bà Đ xác nhận đã nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nhưng bà không có khả năng nộp. Bà cho rằng trong vụ án này bà không đồng ý ly hôn nên bà cũng xin được rút toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung.

Do bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với tài sản chung và không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Đồng thời bà có đề nghị rút yêu cầu phân chia về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết là phù hợp.

Về công nợ chung: Quá trình giải quyết, bà Đ đã cung cấp cho Tòa án các giấy xác nhận cho vay tiền nhưng chỉ ghi tên người cho vay mà không có năm sinh và địa chỉ cụ thể. Sau khi tiếp nhận tài liệu do bà Đ giao nộp, Tòa án đã yêu cầu bà cung cấp đầy đủ thông tin về người cho vay để Tòa án tiến hành báo gọi và làm việc theo quy định. Song bà đã không cung cấp được. Tại buổi làm việc tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, bà trình bày do bà không đồng ý ly hôn nên bà chưa cung cấp tài liệu cho Tòa án. Bà xác nhận khi nào bà đồng ý ly hôn thì bà sẽ cung cấp đầy đủ danh sách chi tiết cho Tòa án để làm cơ sở giải quyết.

Nhận thấy bà Đ có yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu, không nộp tạm ứng án phí theo quy định, không lập danh sách chi tiết thông tin người cho vay. Tại phiên hòa giải, bà đã xác nhận không cung cấp được cho Tòa án theo yêu cầu và đã rút đơn yêu cầu phân chia tài sản chung, bà chỉ cung cấp danh sách đầy đủ cho Tòa án khi bà đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết đối với yêu cầu của bà Đ trong vụ án này là có cơ sở. Khi nào bà Đ có yêu cầu phân chia tài sản và công nợ thì sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

- **Án phí:** Ông Phạm Sỹ H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- *Về quan hệ vợ chồng:* Ông Phạm Sỹ H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

- *Về con chung:* Không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không đặt ra giải quyết.

- *Về án phí:* Ông Phạm Sỹ H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận ông H đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 0001826 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THA thị xã Quế Võ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên